TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 1 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN TIẾNG VIỆT – KHỐI 1
PHIẾU SỐ 34

Thời gian làm bài: 30 phút

I. ĐỌC – HIỂU

Chú voi con

Voi con sống cùng mẹ ở trong rừng sâu. Chú có cái vòi dài và đôi tai to như chiếc quạt. Mỗi sáng, voi con cùng mẹ ra suối uống nước. Chú dùng vòi hút nước rồi phun lên tắm mát. Voi con rất ngoan ngoãn và yêu mẹ.

Đọc bài «Chú voi con» và khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng hoặc làm theo yêu cầu:

Câu 1. Bài đọc trên có mấy câu?

A. 5 câu **B.** 6 câu **C.** 4 câu

Câu 2. Voi con có đôi tai giống cái gì?

A. Chiếc nón **B.** Chiếc lá **C.** Chiếc quạt

Câu 3. Voi con dùng vòi để làm gì khi tắm mát?

A. Hút nước rồi phun lên **B.** Quạt cho mát

C. Đập vào bụi cỏ

Câu 4. Tìm và viết tiếng trong bài «Chú voi con» có vần uôi:

Tiếng có vần uôi: ……

II. BÀI TẬP

Bài 1. Nối ô chữ bên trái với ô chữ bên phải để thành câu. Cách nối nào đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) Đàn cá nhỏ – bơi lội tung tăng	
b) Chim sơn ca – tỏa ánh nắng ấm áp	
c) Mặt trời – hót líu lo trên cành	
d) Bé Mai – chăm chỉ quét nhà	

Bài 2. Điền ng hay ngh vào chỗ chấm:

a) …..on lành

b) lắng …..e

c) …..ắm sao

d) …..ỉ hè

Bài 3. Điền vần iên hay iêng vào chỗ chấm:

a) cô t.….

b) h.…. nhà

c) đánh ch.….

d) s.…. năng

Bài 4. Mỗi từ dưới đây có một tiếng viết sai chính tả. Em hãy viết lại từ cho đúng:

a) ká vàng → …….

b) cẹo ngọt → …….

c) ghà mái → …….

Bài 5. Sắp xếp các từ ngữ sau thành câu rồi viết lại: có / quả chín. / nhiều / Trên cành cây

a) Viết lại câu: …….

Bài 6. Chọn từ trong ngoặc (chảy, chăm chỉ, thơm ngát) điền vào chỗ chấm:

a) Dòng suối nhỏ ……. qua khe đá.

b) Bông hoa nhài tỏa hương …….

c) Bé Mai ……. học bài mỗi tối.

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Tiếng Việt lớp 1 · Phiếu số 34

I. Đọc – hiểu

Câu	1	2	3
Đáp án	A	C	A

Câu 4.
Trong bài chỉ có tiếng «suối» mang vần uôi.

II. Bài tập

Bài 1.
a) Đ; b) S; c) S; d) Đ

Bài 2.
a) ngon lành; b) lắng nghe; c) ngắm sao; d) nghỉ hè.
Nhớ: viết ngh trước e, ê, i; viết ng trước các chữ còn lại.

Bài 3.
a) cô tiên; b) hiên nhà; c) đánh chiêng; d) siêng năng.

Bài 4.
a) «ká» sai, sửa thành «cá»: cá vàng; b) «cẹo» sai, sửa thành «kẹo»: kẹo ngọt; c) «ghà» sai, sửa thành «gà»: gà mái.

Bài 5.
Câu đúng: Trên cành cây có nhiều quả chín.

Bài 6.
a) Dòng suối nhỏ chảy qua khe đá. b) Bông hoa nhài tỏa hương thơm ngát. c) Bé Mai chăm chỉ học bài mỗi tối.